

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST

Ngày 20/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư

Ông Đỗ Thế Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn Tr, sinh ngày 10/10/1988 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; Tr độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ con; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền sự: không; tiền án: Tại bản án HSST số 07/2007 ngày 01/02/2007 của TAND huyện H xử phạt bị cáo 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tại bản án HSST số 14/2008 ngày 20/3/2008, TAND huyện H xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Lưu hành tiền giả”, tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án trước, trừ thời gian đã chấp hành và thời gian tạm giam, còn lại 30 tháng 03 ngày tù, cho bị cáo hưởng án treo; Tại bản án HSST số 55/2008 ngày 05/9/2008 của TAND huyện H xử phạt bị cáo 36 tháng tù, tổng hợp với hình phạt của bản án 14/2008. Hình phạt chung là 66 tháng 03 ngày tù; Tại bản án HSST số 54/2014 ngày 29/9/2014 của TAND huyện L xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2020 cho đến nay. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 4, xã Đ1, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền chi tiêu và sử dụng chất ma túy, khoảng 18 giờ ngày 17/01/2020, Tr đón xe đến khu vực Cầu Treo, TP Thanh Hóa mua của một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ cao khoảng 1,60m một túi ma túy đá với giá 2.600.000 đồng, một túi Heroin với giá 1.500.000 đồng và một túi nilon trong chứa các túi nilon nhỏ để đem về nhà chia số ma túy đá thành nhiều túi nhỏ, còn Heroin vẫn giữ nguyên, cất tất cả trong phòng ngủ để bán kiếm lời. Đến khoảng 13 giờ ngày 19/01/2020, Tr đang đứng ở cổng nhà mình thì gặp Nguyễn Thế L đến hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, Tr đồng ý bán. Khi hai bên đang mua bán trái phép chất ma túy thì bị Công an huyện H bắt quả tang, thu giữ trong túi áo khoác trái L đang mặc 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5 x 2)cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M1); thu trong túi quần bên phải Tr đang mặc số tiền 200.000 đồng (02 tờ mệnh giá 100.000 đồng).

Khám xét khẩn cấp tại nhà Lê Văn Tr, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H thu giữ 37 túi nilon, cụ thể:

- Thu trên nóc tủ lạnh trong phòng ngủ của Tr:

11 (mười một) túi nilon màu trắng kích thước (1,5 x 2)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng; 20 (hai mươi) túi nilon màu trắng kích thước (2x2)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (4x6)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (4x6)cm bên trong có chứa các cục bột màu trắng ngà.

Toàn bộ niêm phong ký hiệu M2.

- Thu tại đầu giường trong phòng ngủ của Tr:

02 (hai) túi nilon màu trắng kích thước (1,5 x 2)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng; 02 (hai) túi nilon màu trắng kích thước (2x2)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng.

Toàn bộ niêm phong ký hiệu M3.

Tại kết luận giám định số 176/PC09 ngày 21/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 0,054g loại Methamphetamine;

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 6,199g loại Methamphetamine;

- Cục bột màu trắng ngà của phong bì ký hiệu M3 niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 2,141 g loại Heroin;

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì ký hiệu M3 niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 0,670 g loại Methamphetamine;

Tổng cộng: 2,141 gam loại Heroin và 6,923 gam loại Metamphetamine.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn Tr khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 56/CTr-VKSHH ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Văn Tr về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn Tr. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo Lê Văn Tr về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với mức hình phạt từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng do phạm tội mà có.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Tr, quá Tr điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Tr trình bày lời bào chữa:

Bị cáo Lê Văn Tr sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo,

bản thân lại bị nhiễm HIV đang điều trị, do vậy dẫn đến bị cáo chán nản và sa vào phạm tội. Tuy nhiên, quá Tr điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị bệnh HIV, sức khỏe yếu, khó có điều kiện có công việc thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Lê Văn Tr trình bày: Do nghiện ngập nên bị cáo phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo Lê Văn Tr là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Tr đã mua 01 gói ma túy dạng ma túy đá và 01 gói ma túy dạng Heroin về phân chia thành các gói nhỏ để bán kiếm lời. Ngày 19/01/2020, khi Tr đang thực hiện hành vi bán trái phép 01 gói ma túy cho Nguyễn Thế L với giá 200.000 đồng thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang. Khi khám xét tại nhà Tr, cơ quan chức năng thu giữ trong phòng ngủ của Tr 37 gói ma túy. Số ma túy thu giữ của Tr được giám định với tổng khối lượng là 2,141 gam loại Heroin và 6,923 gam loại Metamphetamine. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo đã phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, tuy nhiên trong bản án HSST số 54/2014 ngày 29/9/2014 của TAND huyện Hậu Lộc xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy ở lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “Tái

phạm nguy hiểm”.

Vì vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại điểm p, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của bị cáo Lê Văn Tr đã xâm phạm quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự trị an, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe của con người, cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo nhận thấy mặc dù đã rất nhiều lần phạm tội và bị xét xử nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, sau khi chấp hành án xong không chịu tu dưỡng, lao động. Tuy nhiên trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử xem xét đưa ra cho bị cáo mức hình phạt phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo trở thành người công dân lương thiện, tái hòa nhập cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị bệnh tật nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Chất ma túy là vật cấm tự do lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với số tiền 200.000 đồng đã được thu giữ là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Tr, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Tr phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 19/01/2020.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 176/PC09 ngày 25/6/2020 của phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 55/BBGN ngày 09/7/2020.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 08/7/2020 tại kho bạc nhà nước huyện H do đơn vị chuyển là Công an huyện H tài khoản 3949.0.9013481 đến đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tài khoản 3949.0.1053935.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn Tr phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- Trại TG Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Đỗ Thế Huân

Lê Thị Ngọc Tú